TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 104/2020/HN-ST
Ngày: 06/3/2020
V/v "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang.**

Ông **Nguyễn Hoa Kiều.**

- Thư ký phiên tòa*:* Ông **Đỗ Thanh Phong –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn**: Trương Thị Kim H,** sinh năm 1997.

Cư trú: ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh T.

* Bị đơn: **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1990.

Cư trú: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh T.

(Chị Hà có mặt, anh Tuấn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc T tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2015 và có đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/3/2015. Qúa trình vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T luôn ghen tuông vô cớ, nói năng thô lỗ, bậy bạ, chửi mắn chị, không quan tam đến vợ con, không lo làm ăn, chơi cờ bạc, không tôn trọng người lớn mà cụ thể là cha mẹ chị, hạ nhục danh dự chị, không cho chị quyền tự do cá nhân.

Nay, chị xác định không thể chung sống với anh T được nữa, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/7/2014, hiện đang sống với chị; chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có.

* Tại bản tự khai anh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chi H về thời gian, điều kiện kết hôn và có một con chung là đúng. Sau khi cưới về vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai cùng có lỗi. Anh ham chơi đá gà nhưng chơi vui chứ không có cờ bạc lớn, khi vợ kêu về thì anh cũng về và cũng có thay đổi, vợ anh cũng cộc cằn, đi làm nhắn tin thân mật với người đàn ông khác, anh và cha mẹ vợ phát hiện có khuyên can và lấy điện thoại nhưng vợ anh mua điện thoại khác. Hiện nay, vợ anh đã cắt hộ khẩu chuyển về xã A1 là quê vợ sống cho đến nay.

Nay, anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, thương con vì con anh còn quá nhỏ, anh không muốn con sẽ mất cha hoặc mẹ nên anh muốn đoàn tụ với vợ.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không tranh chấp.

* Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị H. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng. Anh T được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Kim H và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tổ chức cưới năm 2015, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 11/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ

luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, nguyên nhân do anh T luôn ghen tuông vô cớ, nói năng thô lỗ, bậy bạ, chửi mắn chị, không quan tam đến vợ con, không lo làm ăn, chơi cờ bạc, không tôn trọng người lớn mà cụ thể là cha mẹ chị, hạ nhục danh dự chị, không cho chị quyền tự do cá nhân. Anh T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2019, anh T cho rằng anh có hay ham chơi đá gà nhưng chơi vui, không có cờ bạc lớn, anh đã thay đổi nên anh muốn hàn gắn tình cảm với chị H.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu của anh chị không lớn nhưng không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh không đến. Điều này thể hiện anh không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/7/2014, hiện đang sống chung với chị H. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, cháu H hiện đang sống chung với chị H đã ổn định về chổ ở cũng như tâm lý nên cần tiếp tục giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 06/4/2020. Xét thấy, cháu H chưa thành niên và được giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng nên anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 6/4/2020 là phù hợp với Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Hà phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Kim H.***

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/7/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000đồng *(Một triệu đồng)* kể từ ngày 6/4/2020 đến khi cháu trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về án phí HNST:

+ Chị Trương Thị Kim H phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0003102 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị H đã nộp xong.

+ Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Quốc Tuấn kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Ninh;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình